

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/DS-ST

Ngày: 22-9-2025

*V/v tranh chấp đòi tài sản, hợp
đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út;

2. Ông Đỗ Hồng Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên

Trong các ngày 12 và 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 880/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Thanh V, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long, nơi ở hiện nay: Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh.
(có mặt)

2. Bà Lê Phương T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số E, Đào Sư T1, Ấp I, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ trụ sở chính: Số H, đường L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn D1 – Cán bộ xử lý nợ.

Địa chỉ liên lạc: Số F, L, phường L, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày như sau:

Bà H và ông L sống chung với nhau như vợ chồng. Bà H là chủ sở hữu xe ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008. Vào tháng 6/2023, bà H đã giao xe ô tô nêu trên cho ông L để chạy xe dịch vụ để kiếm thêm thu nhập và để phụ tiền bà H trả góp xe ô tô nêu trên. Ông L nhận khách và chạy xe, hàng tháng ông L trả cho bà H là 8.000.000 đồng/tháng. Ông L có đưa tiền cho bà H được từ tháng 06-10/2023. Từ tháng 11/2023, ông L không đưa tiền cho bà H góp tiền xe nữa.

Trước đó, ông L có nói với bà H là đem xe ô tô trên gửi bên nhà của ông Phan Thanh V. Khoảng tháng 11/2023, bà H kêu ông L lấy xe về thì để đi đăng kiểm xe thì ông V không trả xe lại. Bà H cũng đưa chìa khóa dự phòng cho ông L lấy xe về nhưng ông V cũng lấy luôn chìa khóa này. Ông V cho rằng bà H có vay tiền ông V và bà H giao xe cho ông V để làm tin, ông V cho rằng cho bà H chưa trả tiền nên không đồng ý trả xe. Nhưng bà H xác định không có vay tiền ông V.

Sau đó, bà H trình báo công an về việc ông V giữ tài sản của bà H, qua quá trình làm việc tại cơ quan công an thì ông V đồng ý trả xe, bà H được công an thông báo ông V đồng ý trả xe rồi, kêu bà H liên hệ lấy xe. Bà H đã trực tiếp đến gặp ông V để lấy xe về, nhưng ông V có nhiều lý do để không trả xe.

Nay bà H yêu cầu ông V trả cho bà H 01 ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008 do bà H là chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003197 do Công an tỉnh L cấp.

Đối với yêu cầu phản tố của ông V, bà H không đồng ý, do giữa bà H và ông V không có việc vay mượn tiền như nội dung ông V khởi kiện. Tuy nhiên, bà H xác định bà H có cùng ông Huỳnh Thanh L đến gặp bà Lê Phương T để nhận số tiền 5.000 USD, nhưng bà H không nhớ là ngày đi nhận tiền là ngày nào. Qua xem giấy vay tiền do ông V cung cấp thì bà H xác định giấy vay tiền do ông L, bà H lập, bà H có ký tên vào giấy vay tiền này. Ông L nhờ bà H ký vào giấy vay tiền này, vì tình nghĩa giữa bà H và ông L, ông L cũng phụ tiền góp xe với bà H, nên khi ông L nhờ bà H ký tên vào giấy vay tiền như người bảo lãnh thì bà H đồng ý ký.

Bà H chỉ đi cùng ông L đến gặp bà T nhận số tiền 5.000 USD nhưng bà H không có sử dụng số tiền này, còn ông L sử dụng vào mục đích gì thì bà H không biết. Do đó, bà H không đồng ý cùng ông L liên đới trả nợ cho ông V.

Bị đơn ông Phan Thanh V trình bày như sau:

Ông V có quen biết ông Huỳnh Thanh L do có mua bán thức ăn thủy sản với ông L. Ông V có thấy ông L sử dụng xe ô tô biển số 62A-232.97, nhãn hiệu Vinfast có những lần đi công việc về thì ông L để xe này ở nhà ông V.

Khoảng tháng 6/2023, ông L có hỏi vay tiền của ông V để trị bệnh cho mẹ ông L đang nằm viện ở Cần Thơ. Ông V đồng ý nhưng ông V không có tiền để giao cho ông L nên ông V có liên lạc bà Lê Phương T là chị dâu của ông V để lấy số tiền 5.000 USD, nhưng ông V B việc nên không có đi cùng với ông L đến nhà bà T để lấy tiền mà bà H và ông L tự đi đến nhà bà T để lấy 5.000 USD. Ông V yêu cầu ông L viết giấy vay tiền cho ông V như nội dung giấy vay tiền mà ông V cung cấp cho Tòa án.

Nội dung người đi vay tiền gồm ông “Huỳnh Thanh L và cùng “vợ Nguyễn Thị Thúy H” là do ông L ghi, còn nội dung người cho vay là “Phan Thanh V” là do ông V G. Về nội dung số tiền cho vay là do ông L ghi, ban đầu ông L ghi nhầm là 100 USD, ông V yêu cầu ông L ghi lại là 5.000 USD. Sau khi ông L ghi đúng hết nội dung, ông V mới ký tên phía dưới mục người cho vay. Ông V cho ông L, bà H vay số tiền 5.000 USD với thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 28/6/2023 đến ngày 28/8/2023, vay không có lãi. Ông L có nói là vay tiền để trị bệnh cho mẹ của ông L đang nằm bệnh viện C.

Khi ông L vay tiền của ông V thì ông L có nói ông V giữ xe ô tô biển số 62A-232.97 để làm tin, ông V đồng ý nhưng hai bên không có làm biên bản bàn giao xe. Ông V không biết ông L không phải chủ xe, cũng không có hỏi ai là chủ xe. Khi hết thời hạn vay tiền, ông V có liên lạc với ông L để yêu cầu ông L trả tiền và lấy lại xe thì ông L không nghe điện thoại.

Đến khi cơ quan công an mời làm việc về giữ xe thì ông V mới biết bà H là chủ sở hữu xe ô tô nêu trên, ông V đồng ý trả xe lại cho bà H và thông báo với bà H là bình xe bị hư, có nói bà H tìm cách khắc phục tình trạng bình xe thì xe mới chạy được nhưng bà H không làm nên xe hiện nay vẫn còn ở nhà ông V. Trong thời gian chạy xe dịch vụ chung với ông L, do bình xe bà H bị hư nên ông V có thay bình khác vào, nhưng ông V xác định không làm đơn khởi kiện đối với số tiền ông V đã chi phí ra để thay bình xe, ông V sẽ tự thỏa thuận với bà H về nội dung này.

Với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông V đồng ý trả xe cho bà H nhưng đồng thời ông V có yêu cầu phản tố yêu cầu bà H cùng ông L liên đới trả số tiền đã vay là 5.000 USD.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh L trình bày:

Ông L và bà H chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Bà H có giao xe cho ông L để chạy xe kiếm thu nhập và trả tiền góp xe như bà H trình bày. Ông L có hợp tác với ông V để chạy xe do ông V có nguồn khách tốt và có chỗ để xe nên ông L để xe ở nhà ông V luôn.

Khoảng tháng 6/2023, do mẹ của ông L bị bệnh cần tiền gấp, nên ông L có nhờ ông V, hỏi mượn tiền ông V nhưng ông V nói là để hỏi chị 2 tức bà Lê Phương T. Sau đó, ông V kêu ông L gặp bà T nhận tiền, ông L nhận từ bà T 5.000 USD, thời điểm này có bà H đi cùng. Do gấp chuyển tiền về quê, nên giữa ông L và bà T không làm giấy vay tiền mà đi về luôn. Sau đó, ông L mới tự làm giấy vay tiền, chính là giấy vay tiền do ông V cung cấp cho Tòa án và ông L ghi nội dung bên vay tiền gồm ông L và bà H, còn nội dung người cho vay tiền ông L để trống do không biết thông tin chính xác của bà T, nội dung số tiền vay là 5.000 USD cũng là do ông L ghi, thời hạn vay tiền là từ ngày 28/6/2023 đến ngày 28/8/2023, vay không có lãi. Khi lập giấy vay tiền, ông L có nhờ bà H ký tên vào giấy vay tiền như người bảo lãnh cho ông L. Sau đó ông L đưa giấy vay tiền này cho ông V, nghĩ rằng ông V sẽ đưa lại cho bà T nên ông L

không hỏi gì thêm.

Hết thời hạn vay tiền, ông V có liên lạc để đòi tiền nhưng ông L chưa có tiền trả có hẹn là khi nào có tiền sẽ trả, ông L cũng không thắc mắc là tại sao ông V đi đòi do giữa ông V và bà T là chị em trong gia đình. Đến khi đến hạn đăng kiểm xe, bà H kêu ông L lấy xe về, ông V không đồng ý trả xe nên mới phát sinh tranh chấp.

Đối với xe ô tô biển số 62A-232.97 là tài sản của bà H, bà H tự quyết định, còn đối với số tiền 5.000 USD, ông L xác định là ông có vay tiền và đồng ý trả tiền, nhưng ông L không yêu cầu bà H liên đới trả nợ, vì đây là nợ riêng của ông L, bà H không có sử dụng số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Phương T khai như sau:

Trong khoảng tháng 6/2023, ông V có liên lạc với bà T nói rằng ông L đang cần tiền gấp để trị bệnh cho mẹ, nên bà T đồng ý cho ông V mượn tiền này để cho ông L mượn. Nhưng ông L là người trực tiếp đến gặp bà T để lấy tiền. Do đã quen biết từ trước nên bà T đã giao cho ông L số tiền là 5.000USD, không có làm giấy mượn tiền. Sau đó, giữa ông L và ông V thỏa thuận như thế nào, bà T không biết.

Bà T đồng ý để cho ông V khởi kiện ông L, bà H về việc đòi lại số tiền 5.000 USD, bà T không tranh chấp với ông V hay ông L, bà H về số tiền 5.000 USD. Giữa bà T và ông V sẽ tự thỏa thuận với nhau về số tiền 5.000 USD. Bà T xác định bà T cho luôn ông V khoản tiền 5.000 USD này, ông V có toàn quyền quyết định. Bà T yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V2 do người đại diện theo ủy quyền ông Phan Văn D1 trình bày như sau:

Vào ngày 06/5/2021, V2 và bà H có ký hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN2104223650681, theo đó V2 cho bà H vay số tiền 361.000.000 đồng, thời hạn vay là 96 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, cố định trong 12 tháng, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Vinfast Fail Fadil. Bà H có trách nhiệm trả vốn vay và lãi vay định kỳ hàng tháng vào ngày 10 tây hàng tháng, mỗi kỳ thanh toán tiền gốc là 3.761.000 đồng, lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần.

Để đảm bảo khoản vay nêu trên, bà H thế chấp tài sản là xe ô tô Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV721033650861, biển số 62A-232.97 do bà H đứng tên, việc thế chấp xe ô tô có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H có thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ tuy nhiên đến tháng 7/2025 thì bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngoài ra, V2 còn được Tòa án nhân dân khu vực 6 –Tây Ninh thông báo hiện nay xe ô tô nêu trên đang là tài sản tranh chấp giữa bà H và ông V.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho V2, V2 yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn và các khoản lãi phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng LN2104223650681 ngày 06/5/2021 tạm tính đến ngày 22/9/2025 là 178.934.791 đồng, trong đó nợ gốc là 172.950.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.984.791 đồng, bà Nguyễn Thị Thúy H tiếp tục trả lãi quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả hết nợ; Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự có thẩm

quyền, kê biên phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV721033650861, biển số 62A-232.97 do bà H đứng tên để thu hồi nợ cho V2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 35, 39, 97, 98, 195, 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Trong quá trình tố tụng các đương sự đều thừa nhận bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Huỳnh Thanh L sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Bà H là chủ sở hữu 01 ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003197 do Công an tỉnh L cấp đây được xem là các tình tiết không cần phải chứng minh.

Phía bà H trình bày vào tháng 6/2023, bà H đã giao xe ô tô trên cho ông L để chạy xe dịch vụ để kiếm thêm thu nhập và để phụ tiền bà H trả góp xe ô tô nêu trên đến tháng 11/2023, ông L không đưa tiền cho bà H góp tiền xe nữa. Trước đó, ông L có nói với bà H là đem xe ô tô trên gửi bên nhà của ông Phan Thanh V. Khoảng tháng 11/2023, bà H kêu ông L lấy xe về thì để đi đăng kiểm xe thì ông V không trả xe lại.

Phía ông V trình bày vào tháng 06/2023 ông L có vay tiền ông V. Ông V đồng ý nhưng ông V không có tiền nên ông V có liên lạc với chị dâu là bà Lê Phương T để lấy số tiền 5.000 USD để đưa cho ông L. Ông V yêu cầu ông L viết giấy tay như nội dung giấy vay tiền mà ông V nộp cho Tòa án. Nội dung trên giấy vay tiền do ông L ghi. Ông L và bà H cùng ký tên. Khi vay tiền thì ông L có đưa cho ông Vũ G1 01 xe ô tô biển số 62A-232.97 để làm tin, khi nào ông L có tiền trả thì lấy xe về nhưng chỉ thỏa thuận miệng giữa ông L và ông V không có mặt bà H. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông V trả xe thì ông V đồng ý nên ghi nhận;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông L thừa nhận có hỏi vay tiền của ông V nhưng ông V nói là để hỏi bà Lê Phương T là chị dâu ông V. Sau đó ông V kêu ông L gặp bà T nhận tiền, ông L nhận từ bà T 5.000 USD, thời điểm này có bà H đi cùng. Sau đó, ông L mới tự làm giấy vay tiền, chính là giấy vay tiền do ông V cung cấp cho Tòa án, thời hạn vay tiền là từ ngày 28/6/2023 đến ngày 28/8/2023, vay không có lãi, khi lập giấy vay tiền ông L có nhờ bà H ký tên vào giấy vay tiền như người bảo lãnh cho ông L. Sau đó ông L đưa giấy vay tiền này cho ông V. Đến ngày 07/3/2024, ông V yêu cầu ông L viết lại một giấy nhận nợ khác với nội dung ông L cùng bà H vay của ông V số tiền 5.000 USD chính là giấy vay tiền mà ông L nộp cho Tòa án. Bên cạnh đó bà H xác định bà H có cùng với ông L đến gặp bà Lê Phương T để nhận số tiền 5.000 USD và bà H có ký tên vào giấy vay tiền nhưng bà H ký là do ông L nhờ bà ký.

Như vậy có cơ sở xác định giấy vay tiền ngày 28/6/2023 do ông V cung cấp và giấy nhận nợ ngày 07/3/2024 cùng là 01 nội dung là ngày 28/6/2023 ông V cho ông L

vay 5.000 USD. Phía ông L xác định đây là khoản nợ riêng của ông không liên quan đến bà H. Tuy nhiên bà H đang sống chung như vợ chồng với ông L, đi cùng ông L nhận tiền từ bà T và có ký tên vào giấy vay tiền nên có căn cứ buộc bà H liên đới cùng với ông L trả 5.000 USD cho ông V.

Xét hợp đồng vay ngày 28/6/2023 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật bởi lẽ căn cứ theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh số 28/2005 được sửa đổi bổ sung năm 2013 không cho phép giao dịch bằng ngoại hối trừ giao dịch với các tổ chức tín dụng. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận cụ thể ông L và bà H phải hoàn trả cho ông L số tiền 5.000 USD;

Phía bà H và V2 thừa nhận nội dung giao kết hợp đồng tín dụng, tài sản thế chấp, quá trình thực hiện hợp đồng như ngân hàng trình bày. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 178.934.981 đồng là có cơ sở chấp nhận. Trường hợp bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 62A-232.97 của bà H.

Phía bà T trình bày số tiền 5.000 USD mà bà đưa cho ông L là số tiền của bà nhưng bà để cho ông V khởi kiện ông L bà H. Bà T xác định không tranh chấp gì trong vụ án này nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tây Ninh căn cứ Điều 116, 117, 122, 123, 164, 166, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng, Pháp lệnh số 28/2005 được sửa đổi bổ sung năm 2013, Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông V có nghĩa vụ giao trả cho bà H 01 ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông V về việc buộc bà H ông L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông V số tiền 5.000 USD.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của V2 về việc buộc bà H trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 178.934.981 đồng. Trường hợp bà H không trả hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 01 ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008;

- Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H khởi kiện về việc đòi lại tài sản đối với ông Phan Thanh V có nơi cư trú tại ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh (trước đây là ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An) nên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật

hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

[1.2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Phương T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà H yêu cầu ông V trả lại 01 ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008 do bà H là chủ sở hữu theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003197 do Công an tỉnh L cấp ngày 04/5/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V đồng ý trả lại cho bà H tài sản là 01 ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008 do bà H đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: ông V yêu cầu bà H, ông L cùng liên đới trả cho ông V số tiền 5.000 đô la mỹ theo giấy vay tiền ngày 28/6/2023. Về phía bà H, bà H cho rằng bà H không có vay tiền của ông V mà chỉ đi cùng ông L đến gặp bà Lê Phương T để nhận tiền, nên bà H không đồng ý liên đới trả nợ cùng ông L. Về phía ông L, ông L xác định có vay tiền của ông V số tiền 5.000 đô la mỹ nhưng nhận tiền từ bà T, ông L đồng ý trả số tiền 5.000 đô la mỹ cho ông V và chịu trách nhiệm trả một mình do chỉ có ông L vay tiền, còn bà H chỉ đi cùng ông L để nhận tiền và ký tên vào giấy vay tiền với tư cách người bảo lãnh.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông L đều xác định ông, bà chung sống với như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, bà H giao xe ô tô thuộc sở hữu của bà H cho ông L chạy xe dịch vụ để kiếm thêm thu nhập. Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung giấy vay tiền ngày 28/6/2023 thể hiện bên vay tiền gồm có ông Huỳnh Thanh L cùng vợ Nguyễn Thị Thúy H có vay của ông Phan Thanh V số tiền 5.000 USD. Tại mục người vay tiền có cả chữ ký và chữ viết tên của ông L, bà H. Tại mục người cho vay có chữ ký và chữ viết họ tên của ông V. Tại phiên tòa ông L, bà H đều xác định giấy vay tiền này do ông L, bà H tự lập, ông L, bà H tự ký tên và viết họ tên vào giấy vay tiền và giao lại giấy vay tiền cho ông V.

[3.2] Bà H cũng xác định vào ngày 28/6/2023, bà H có cùng với ông L đến gặp bà Lê Phương T để nhận tiền, cùng ông L kiểm đếm tiền và đi đổi thành tiền việt nam đồng. Lời trình bày này của bà H cũng phù hợp lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T cũng xác định là ông L, bà H cùng đến nhận tiền. Đồng thời, bà T cũng xác định bà T giao tiền cho ông L, bà H giao theo yêu cầu của ông V. Ngoài ra, ông L còn có cung cấp một giấy nhận nợ đề ngày 07/3/2024 thể hiện nội dung ông Huỳnh Thanh L cùng vợ tôi Nguyễn Thị Thúy H có vay của ông Phan Thanh V số tiền 5.000 USD, giấy nợ này do ông L viết ra. Các bên đều xác định là giấy nợ này là viết lại khoản nợ của giấy vay tiền ngày 28/6/2023 và cùng có nội dung bên vay tiền gồm có ông L và bà H nên lời trình bày của phía bà H, ông L về việc bà H chỉ ký tên vào giấy vay tiền ngày 28/6/2023 với tư cách người bảo lãnh là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nội dung được phân tích tại mục [3.1], [3.2], Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định vào ngày 28/6/2023 bà H, ông L cùng nhau xác lập hợp đồng vay tài sản với ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H, ông V, ông L đều xác định vào ngày 28/6/2023 ông L, bà H đã nhận tiền vay bằng đồng đô la mỹ. Căn cứ

Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2013, Điều 3, Điều 4 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 quy định về hạn chế sử dụng về ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam thì ông V, ông L và bà H không thuộc trường hợp được giao dịch bằng ngoại tệ tại Việt Nam. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa ông V với ông L, bà H là vi phạm điều cấm của pháp luật nên vô hiệu. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, cụ thể ông L và bà H phải hoàn trả cho ông V số tiền 5.000 USD.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của V2: V2 yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán tiền vốn vay còn nợ là 172.950.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.984.791 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN2104223650681, theo đó V2 cho bà H vay số tiền 361.000.000 đồng, thời hạn vay là 96 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9%/năm, cố định trong 12 tháng, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu Vinfast Fail Fadil. Để đảm bảo khoản vay, bà H đã thế chấp xe ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008 do bà H là chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003197. Bà H xác định trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ định kỳ theo thỏa thuận tại hợp đồng thì bà H có vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, căn cứ Điều 4, Điều 5 của hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp nêu trên và Điều 6 Điều kiện giao dịch chung về cho vay thế chấp xe ô tô quy định về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và xử lý nợ như sau:

“a. trong trường hợp khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ, kỳ trả nợ lãi nào theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và các văn bản liên quan...

...e Các tài sản bảo đảm tiền vay bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà V2 nhận định có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của V2...”

Trong vụ án này, tài sản đảm bảo là xe ô tô đang là đối tượng tranh chấp trong vụ án nên việc V2 khởi kiện bà H yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn lại là 172.950.000 đồng, cùng nợ lãi tạm tính đến ngày 22/9/2025 là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008 do bà H là chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003197 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh nên trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền, kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho V2.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Phương T, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2025, bà T trình bày bà là người trực tiếp giao tiền cho ông L, bà H nhưng bà T đồng ý để cho ông V khởi kiện ông L, bà H về số tiền 5.000 USD, bà T không tranh chấp với ông V hay ông L, bà H về số tiền 5.000 USD, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 6 – Tây Ninh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 117, Điều 123, Điều 165, Điều 166, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, sửa đổi, bổ sung 2013;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H đối với bị đơn ông Phan Thanh V.

Buộc ông Phan Thanh V trả cho bà Nguyễn Thị Thúy H 01 (Một) ô tô xe biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008 do bà Nguyễn Thị Thúy H là chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003197 do Công an tỉnh L cấp ngày 04/5/2021.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Thanh V đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh L.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H, ông Huỳnh Thanh L có trách nhiệm liên đới hoàn lại cho ông Phan Thanh V số tiền 5.000 (Năm nghìn) đô la mỹ.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 đối với bà Nguyễn Thị Thúy H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 số tiền vốn còn lại 172.950.000 (Một trăm bảy mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.984.791 (Năm triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày 23/9/2025, bà Nguyễn Thị Thúy H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số LN2104223650681 ngày 06/5/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thúy H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền, kê biên phát mãi tài sản thế chấp là xe biển số 62A-232.97, loại xe Vinfast, số khung RPXCA2FACMV004441, số máy LV7210330008

theo Giấy đăng ký xe ô tô số 003197 do Công an tỉnh L cấp ngày 04/5/2021 cho bà Nguyễn Thị Thúy H đứng tên để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2.

4. Về án phí:

- Ông Phan Thanh V phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Phan Thanh V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018671 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Tây Ninh. H1 lại cho ông Phan Thanh V tiền tạm ứng án phí là 2.700.000 (Hai triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thúy H, ông Huỳnh Thanh L phải liên đới chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh V được chấp nhận là 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 được chấp nhận là 8.946.740 (Tám triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng, được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0012896 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Thúy H còn phải tiếp tục nộp án phí là 8.646.740 (Tám triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V2 số tiền 4.307.692 (Bốn triệu ba trăm linh bảy nghìn sáu trăm chín mươi hai) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004211 ngày 12/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Tây Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 6 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Võ Thu Xuân